

Số: 2447 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023, Kế hoạch tài chính năm 2023; Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2023; giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2023 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai

thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 93/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022, Kế hoạch tài chính năm 2022; Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2021 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2022; giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2022 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 4052/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 và Kế hoạch tài chính năm 2023 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2023 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiền Phong với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2023 đối với Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong:

- Căn cứ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này hoàn chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 của Công ty.

- Tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định và có hiệu quả để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm của Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm giúp Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm giúp UBND tỉnh giám sát, đánh giá việc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong thực hiện các chỉ tiêu được phê duyệt tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, DN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục I

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023, Kế hoạch tài chính năm 2023 điều chỉnh

(Kèm theo Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023 đã giao theo Quyết định số 683/QQĐ-UBND ngày 31/3/2023	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu				
1.1	Khai thác rừng trồng kinh tế	Ha	210,0	210,0	
1.2	Trồng rừng	Ha	220,0	220,0	
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	789,41	789,41	
1.4	Cây giống lâm nghiệp			9.300.000	
	<i>Cây keo hom</i>	<i>Cây</i>	<i>3.000.000</i>	<i>2.000.000</i>	
	<i>Cây keo mô</i>	<i>Cây</i>	<i>1.000.000</i>	<i>300.000</i>	
	<i>Cây mâm lai, bạch đàn mô</i>	<i>Cây</i>	<i>6.000.000</i>	<i>7.000.000</i>	
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...		300.000	240.000	
	<i>Lan các loại</i>	<i>Cây</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	
	<i>Cây bản địa, trầm giò, Ba kích</i>	<i>Cây</i>	<i>290.000</i>	<i>230.000</i>	
	<i>Cây ăn quả</i>	<i>Cây</i>		-	
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng)	Ha	4.799,6	4.799,6	
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích			1.904	
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.904,0	1.904,0	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	40.805,0	38.700,0	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	12.757,0	11.980,4	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.990,8	10.411,6	
6	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Tr.đồng	4.805,2	4.607,8	
	Trong đó: Thuế TNDN	Tr.đồng	1.766,2	1.568,8	
7	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	13.394,1	12.694,1	
	Trồng rừng	Tr.đồng	4.767,5	4.767,5	
	Chăm sóc rừng trồng, quản lý và bảo vệ rừng	Tr.đồng	6.426,6	6.426,6	
	Cơ sở nuôi cấy mô	Tr.đồng	1.500,0	500,0	
	Cơ sở vật chất khác (MMTB; vườn ươm, duy trì, đánh giá chứng chỉ FSC, đường lâm sinh, chòi canh lửa, ...)	Tr.đồng	700,0	1.000,0	
8	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	-		
9	Các chỉ tiêu khác			-	

II. Kế hoạch đầu tư (dự án nhóm B trở lên): Không

Phụ lục II

Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2022 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2023 điều chỉnh

(Kèm theo Quyết định số 2447 /QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023 đã giao theo Quyết định số 683/QQD-UBND ngày 31/3/2023	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
I	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Hạng công ty được xếp	Hạng	II	II	
2	Số người quản lý chuyên trách	Người	3	3,417	
3	Hệ số mức lương bình quân	Hệ số	5,78	5,65	
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng	19,18	21,5	
5	Hệ số tăng thêm so với mức lương cơ bản	Hệ số	0,5	0,3	
6	Mức % tiền lương tính thêm (do vượt lợi nhuận kế hoạch)	%	-	-	
7	Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách	Tr.đồng	978,00	1.146,00	
8	Mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách	Tr.đồng/tháng	28,765	27,951	
II	Thù lao của người quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý không chuyên trách	Người	1	1	
2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng	75,6	75,6	
3	Mức thù lao bình quân của người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng/tháng	6,3	6,3	

Phụ lục III. Giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2023

*(Kèm theo Quyết định số 2447 /QĐ-UBND ngày 17/10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	40.805,0	38.700,0	
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.990,8	10.411,6	